

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08-3-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện  
Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:  
Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng,  
tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số  
201/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh  
chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-  
HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp S, xã V,  
huyện V, tỉnh Long An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp S, xã V, huyện  
V, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà  
Đinh Thị H trình bày:

Bà H và ông Đỗ Văn N tiến đến hôn nhân không quen biết trước mà do sự  
sắp đặt của cha mẹ hai bên. Cả hai tổ chức lễ cưới vào năm 2003, sau đó đăng  
ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An ngày 03/4/2013.  
Vợ chồng làm ăn, sinh sống tại ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Đến năm  
2021 thì bà H đi làm công nhân ở huyện B, tỉnh Long An cho đến nay.

Bà H cho rằng từ khi về chung sống, vợ chồng bà đã không có hạnh phúc, do không tìm hiểu trước, tính cách không hợp nhau, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Ông N sống thiếu trách nhiệm, cờ bạc, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn và nhiều lần có hành vi bạo lực với bà H. Trước đây do các con còn nhỏ nên bà H cố gắng chịu đựng để nuôi con. Hiện nay các con cũng đã lớn, nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hiện tại nữa nên bà H quyết định gửi đơn ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông N. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2021, khi bà H đi làm công nhân ở B đến nay.

Trong quá trình chung sống bà H và ông N có 03 con chung, trong đó Đỗ Văn T, sinh năm 2004 đã trưởng thành và sống tự lập; Đỗ Văn T1, sinh năm 2006, đã nghỉ học và đi làm ở B; Đỗ Thị H1, sinh năm 2012, đã nghỉ học và đang sống cùng bà H. Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Nay bà H cho rằng không còn tình cảm với ông N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N; yêu cầu nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung chưa thành niên là Đỗ Văn T1 và Đỗ Thị H1, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của bà H.

*Kết quả xác minh của Tòa án:*

Chính quyền địa phương nơi cư trú của bà H và ông N cũng cung cấp thông tin có nội dung như bà H trình bày về hoàn cảnh hiện tại của hai vợ chồng. Bà H và ông N có 03 con chung, cả hai người hiện đều đi làm công nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương cũng có biết chủ yếu do ông N không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, về điều kiện kinh tế và thu nhập thì địa phương không nắm rõ.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt nhiều lần không có lý do.

Về nội dung vụ án: Bà H và ông N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 03/4/2013 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông N và bà H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H vẫn kiên quyết ly hôn, ông N đã được tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã thật sự trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi hai con chung chưa thành niên, ông N không thể hiện ý kiến. Cháu T1 và cháu H1 có nguyện vọng được sống với mẹ và hiện các cháu đang sống cùng bà H nên đề đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, bà H yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông N do không có sự tìm hiểu nhau trước khi tiến đến hôn nhân nên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng ngay từ khi về chung sống, đến năm 2021 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân. Nguyên nhân do ông N sống không có trách nhiệm, sa đà vào tệ nạn cờ bạc, rượu chè dẫn đến tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên khả năng hàn gắn không còn.

[2.3] Phía bị đơn ông Đỗ Văn N đã được Tòa án gửi giấy mời nhiều lần và đã được tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến để làm việc và cũng không thể hiện ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết thể hiện sự không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H.

[2.4] Kết quả xác minh của Tòa án cũng có nội dung phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[2.5] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị H.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có 03 con chung, trong đó em Đỗ Văn T, sinh năm 2004 đã thành niên và sống tự lập nên không xem xét. Đối với 02 con chung chưa thành niên là em Đỗ Văn T1, sinh năm 2004 và Đỗ Thị H1 đang sống với bà H, hai em cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Bà H có yêu cầu được nuôi hai con, còn ông N không thể hiện ý kiến. Xét thấy hai con chung chưa thành niên của bà H và ông N hiện đang sống chung với bà H nên để đảm bảo môi trường sống ổn định cho các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Do bà H cũng có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con và bà cũng không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị H.

Về hôn nhân: Bà Đinh Thị H được ly hôn với ông Đỗ Văn N.

Về con chung: Giao hai con chung Đỗ Văn T1, sinh ngày 29/9/2006 và Đỗ Thị H1, sinh ngày 27/02/2012 cho bà Đinh Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm

sóc. Do bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Đinh Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002389 ngày 13/12/2023 sang tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Yến Linh**